

Lào Cai, ngày 08 tháng 09 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản 2016;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định về cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-VNPT-LCI-HĐTL-KTKH ngày 20/08/2025 của Viễn thông Lào Cai về việc thanh lý tài sản cố định, vật tư, công cụ đợt 2 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-VNPT-LCI-HĐTL-KTKH ngày 07/09/2025 của Viễn thông Lào Cai về việc Phê duyệt giá khởi điểm, bước giá và phương thức thực hiện nhượng bán tài sản thanh lý Lô số 1: "Accu cũ hỏng thanh lý" và Lô số 2: "Tài sản cố định, vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý" đợt 2 năm 2025;

I. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị có tài sản đấu giá: Viễn thông Lào Cai.
- Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.

II. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:

Lô số 1: “Accu cũ hỏng thanh lý” (Phụ lục chi tiết kèm theo)

- Số lượng: 400 bình accu các loại.
- Chất lượng : Tài sản cũ, hỏng, thu hồi không có nhu cầu sử dụng.

Lô số 2: “Tài sản cố định, vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý” (Phụ lục chi tiết kèm theo)

- Số lượng : Modem, máy tính, máy in, máy phát điện, tủ nguồn, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư cũ hỏng các loại...
- Chất lượng : Tài sản cố định, vật tư, công cụ dụng cụ cũ, hỏng, thu hồi không có nhu cầu sử dụng.

III. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

Lô số 1: “Accu cũ hỏng thanh lý” (Phụ lục chi tiết kèm theo)

- Giá khởi điểm : **183.984.000 đồng** (đã bao gồm thuế VAT)

(Bằng chữ : Một trăm tám mươi ba triệu, chín trăm tám mươi tư nghìn đồng.)

Lô số 2: “Tài sản cố định, vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý” (Phụ lục chi tiết kèm theo)

- Giá khởi điểm : **311.659.000 đồng** (đã bao gồm thuế VAT)

(Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng.)

Các chi phí phát sinh (tổ chức bốc dỡ, tháo dỡ, cầu, kéo, vận chuyển...) thuộc trách nhiệm của bên mua. Khách hàng trúng đấu giá phải tự lo phương tiện, nhân lực, công cụ, trang thiết bị để vận chuyển hàng hoá mua đấu giá, đảm bảo vệ sinh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và an toàn giao thông.

Hàng giao tại nơi bảo quản (Trụ sở Viễn thông Lào Cai và Trung tâm Viễn thông Thành phố Lào Cai).

IV. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

1. Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
2. Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
3. Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
4. Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.
5. Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

Việc đánh giá dựa trên bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tại phụ lục I, ban hành kèm theo Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

STT	NỘI DUNG	Mức tối đa
I.	CÓ TÊN TRONG DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN DO BỘ TƯ PHÁP CÔNG BỐ	
1	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

II	CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ CẦN THIẾT BẢO ĐẢM CHO VIỆC ĐẤU GIÁ ĐỐI VỚI LOẠI TÀI SẢN ĐẤU GIÁ	19,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, ...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên. Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4	Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ KHẢ THI, HIỆU QUẢ (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM VÀ UY TÍN CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN	57,0

1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công	

	<i>thức nêu trên: Số điểm của B = (V x 3)/Y</i>	
5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</i>	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</i>	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</i>	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</i>	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 trở lên	4,0
8.3	Có từ 04 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 trở lên	5,0

9	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0
9.1	Dưới 50 triệu	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	TIÊU CHÍ KHÁC PHÙ HỢP VỚI TÀI SẢN ĐẤU GIÁ DO NGƯỜI CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ QUYẾT ĐỊNH	8,0
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	3,0
2	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	3,0
3	Trong năm 2024 (căn cứ theo hoá đơn GTGT), Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã từng đấu giá thành công tài sản cùng loại thuộc một trong các đơn vị của VNPT.	2,0
	TỔNG CỘNG	100

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ 02 tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì Viện thông Lào Cai sẽ xem xét quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

- Trường hợp chỉ có 01 tổ chức đấu giá tài sản nộp hồ sơ thì Viện thông Lào Cai vẫn thực hiện chấm điểm theo quy định.

- Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn từ chối kết quả lựa chọn thì Viện thông Lào Cai xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số điểm cao nhất liền kề để tổ chức cuộc đấu giá hoặc lựa chọn lại tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá mà tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được chọn không đến làm thủ tục để ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thì xem như tổ chức hành nghề đấu giá tài sản từ chối ký hợp đồng

với Viễn thông Lào Cai. Viễn thông Lào Cai sẽ tiến hành lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có các tiêu chí phù hợp xếp thứ 2 (sau tổ chức xếp thứ nhất được chọn) để ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản.

V. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

a) Thời gian nộp hồ sơ: Tổ chức đấu giá nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện từ ngày 08/09/2025 đến ngày 11/09/2025 (trong giờ hành chính các ngày trừ thứ bảy, chủ nhật). Hồ sơ đến sau 17h00' ngày 11/09/2025 được coi là không hợp lệ và sẽ không được xét lựa chọn.

b) Địa điểm nộp hồ sơ:

- Phòng Kế toán-Kế hoạch Viễn thông Lào Cai.
- Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.
- Người nhận hồ sơ: Ms Trần Lệ Thủy. Điện thoại: 02143 832 973/091 888 1719.

c) Quy cách hồ sơ: Tổ chức hành nghề đấu giá nộp 01 bộ hồ sơ được đóng quyển, có đầy đủ tài liệu hợp lệ, được để trong phong bì dán kín niêm phong.

Lưu ý:

- Người đến nộp hồ sơ đăng ký phải mang theo giấy giới thiệu và bản chụp chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (mang bản gốc đi để đối chiếu); Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.

- Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về Đấu giá tài sản.

- Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá không được hoàn trả trong mọi trường hợp.

Viễn thông Lào Cai thông báo để các Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được biết, đăng ký tham gia./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Công TTĐTQG về ĐGTS;
- Trang TTĐT VNPT Lào Cai;
- Hội đồng thanh lý TS (t/hiện);
- Lưu VT, KT-KH (TLT-1b).

Số eOFFICE: 746416/VBKS.

Q.GIÁM ĐỐC

Đặng Việt Hải

VIỄN THÔNG LÀO CAI

PHỤ LỤC CHI TIẾT LÔ SỐ 1: “ACCU CŨ HỔNG THANH LÝ” ĐỢT 2 NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 758/TB-VNPT-LCI-KTKH ngày 08/09/2025)

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Trọng lượng/1 đơn vị tài sản, vật tư (kg/bình)	Tổng trọng lượng (kg)	Đơn giá bao gồm cả VAT/kg (đồng/kg)	Giá khởi điểm (bao gồm cả VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)
	TSCĐ-ACCU (Mã CTNH: 19 06 01)						
1	2 tổ Accu 12V-150AH-gel trạm BTS Lý Công Uẩn (019P180038)	Bình	8	45	360	19.000	6.840.000
2	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel-Postef (24 bình) (27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000
3	2 tổ Accu 12V-150AH-gel trạm Sơn Hà 1 (019P180038)	Bình	8	45	360	19.000	6.840.000
4	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel-Postef (24 bình) trạm Nông trường Phú Xuân(27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000
5	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel-Postef (24 bình) BTS Tà Thàng (27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000
6	1 tổ Accu 2V-500AH-Gel - Tổng đài Bảo Hà (019P180048)	Bình	24	28	672	19.000	12.768.000
7	2 tổ accu 12V-200AH-Gel (4 bình/tổ)- BTS Việt Tiến (019P190003)	Bình	8	54	432	19.000	8.208.000
8	2 tổ Accu PLG200-12ANV/Long 12V-200Ah trạm Tan-Thuong (019P190035)	Bình	8	54	432	29.000	12.528.000
9	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel (24 bình) trạm Xuân Hòa-II (27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000
10	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel-Postef (24 bình) (27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000
11	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel-Postef (24 bình) (27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000
12	2 tổ Accu 12V-150AH-gel trạm Mường Khương 2 (019P180038)	Bình	8	45	360	19.000	6.840.000
13	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel-Postef (24 bình) (27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000
14	2 tổ Accu 12V-150AH-gel trạm Mường Khương 2 (019P180038)	Bình	8	45	360	19.000	6.840.000
15	2 tổ Accu 12V-150AH-gel trạm Tà Ngai Chồ 2 (019P180038)	Bình	8	45	360	19.000	6.840.000
16	2 tổ Accu 12V-150AH-gel trạm Co-Tien LCI (019P180038)	Bình	8	45	360	19.000	6.840.000
17	2 tổ Accu 12V-150AH-gel trạm Đồn A Mú Sung (019P180038)	Bình	8	45	360	19.000	6.840.000
18	2 tổ Accu 12V-150AH-gel trạm A Mú Sung 2 (019P180038)	Bình	8	45	360	19.000	6.840.000
19	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel (24 bình) trạm Lũng Pô Bát Xát (27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000
20	2 tổ accu 12V-200AH-Gel (4 bình/tổ)- BTS Dền Thàng (019P190003)	Bình	8	54	432	19.000	8.208.000
21	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel (24 bình) trạm Nậm Chạc Bát Xát (27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000
22	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel (24 bình) trạm Trung Lềng Hồ Bát Xát (27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000
23	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel-Postef (24 bình) (27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Trọng lượng/1 đơn vị tài sản, vật tư (kg/bình)	Tổng trọng lượng (kg)	Đơn giá bao gồm cả VAT/kg (đồng/kg)	Giá khởi điểm (bao gồm cả VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)*(7)
24	1 tổ Accu 2V-300Ah-Gel (24 bình) trạm Công ty Rau quả Sa Pa (27P201724-Net MSTT)	Bình	24	16	384	19.000	7.296.000
	TỔNG CỘNG		400		9.456		183.984.000

Bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu, chín trăm tám mươi tư nghìn đồng.

VIỄN THÔNG LÀO CAI

PHỤ LỤC CHI TIẾT LÔ SỐ 2: “TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, VẬT TƯ, CÔNG CỤ DỤNG CỤ THANH LÝ” ĐỢT 2 NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 758 /TB-VNPT-LCI-KTKH ngày 08 /09/2025)

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Giá khởi điểm (bao gồm cả VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)
A	VẬT TƯ, CÔNG CỤ DỤNG CỤ				
I	Modem, settopbox, nguồn, điện thoại bàn, điện thoại di động				
1	Modem hồng thu hồi	Cái	907	5.000	4.535.000
2	Settopbox hồng thu hồi	Cái	490	5.000	2.450.000
3	Nguồn Modem, nguồn Settopbox hồng các loại	Cái	320	5.000	1.600.000
4	Điều khiển STB	Cái	92	1.500	138.000
5	Điện thoại bàn	Cái	1	3.000	3.000
6	Điện thoại di động	Cái	5	3.000	15.000
II	Điều hòa				
1	Cục nóng điều hoà	Cái	20	280.000	5.600.000
2	Cục lạnh điều hoà	Cái	27	120.000	3.240.000
3	Điều hòa cây 48.000BTU	Cái	2	800.000	1.600.000
III	Máy nổ				
1	Máy nổ CaPo 5kva	Cái	1	1.200.000	1.200.000
IV	Máy in, máy tính, máy photo, tivi, máy fax				
1	Máy tính laptop	Cái	37	60.000	2.220.000
2	Máy in canon 2900/3300	Cái	5	25.000	125.000
3	Case máy tính	Cái	9	50.000	450.000
4	Màn hình máy tính bàn	Cái	4	10.000	40.000
5	Tivi	Cái	4	20.000	80.000
6	Máy scan	Cái	2	20.000	40.000
7	Máy fax	Cái	1	25.000	25.000
8	Máy photocopy	Cái	3	150.000	450.000
V	Vật tư khác				
1	Tủ nguồn	Cái	2	60.000	120.000
2	Máy bắn đinh	Cái	1	6.000	6.000
3	Máy chiếu Panosonic PT-F200NT	Cái	1	20.000	20.000
4	Âm ly	Cái	2	25.000	50.000
5	Đầu DVD ACN05/Đầu đĩa	Cái	2	6.000	12.000
6	Máy quét tem MI 2808	Cái	1	6.000	6.000
7	Bình lọc nóng lạnh/bình lọc nước	Cái	2	30.000	60.000
8	Kìm siết đai Inox	Cái	1	6.000	6.000
9	Bàn làm việc	cái	12	0	0
10	Bàn gia cấp	Cột	1	0	0
11	Bình bơm hơi	Cái	1	10.000	10.000
12	Thang nhôm	Cái	6	60.000	360.000
13	Quạt cây	Cái	3	30.000	90.000

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Giá khởi điểm (bao gồm cả VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)
14	Máy thổi khí/rửa xe/thổi bụi	Cái	2	30.000	60.000
15	Đồng hồ vạn năng	Cái	2	3.000	6.000
16	Khung giá sắt	Cái	8	80.000	640.000
17	Khung giá sắt ghi	Cái	1	80.000	80.000
18	Cửa sắt	Bộ	1	180.000	180.000
19	Rec nguồn	Cái	54	12.000	648.000
20	Ghế làm việc	Cái	13	0	0
21	Loa thùng to	Cái	2	20.000	40.000
22	Đế mic	Cái	1	6.000	6.000
23	Loa đơn	Cái	2	15.000	30.000
24	Tăng âm	Cái	2	20.000	40.000
25	Mic đơn để bàn	Cái	1	3.000	3.000
26	Kim đa năng, cắt lệch/Kim bấm/Kim tuốt sợi quang	Cái	26	5.000	130.000
27	Đèn sưởi	Cái	3	8.000	24.000
28	Đồng hồ	Cái	1	2.000	2.000
29	Máy đo công suất	Cái	5	5.000	25.000
30	Dao cắt sợi quang	Cái	6	2.000	12.000
31	Bàn gỗ	Cái	4	0	0
32	Tủ tài liệu gỗ ép, nhựa công nghiệp	Cái	3	0	0
33	Bàn ghế gỗ tiếp khách	Cái	1	0	0
34	Tô vít	Cái	4	1.000	4.000
35	Bút thử điện	Cái	4	500	2.000
36	Pin máy hàn quang(60S) - đi kèm máy hàn	Cái	1	6.000	6.000
37	Cắt lọc sét	Cái	3	10.000	30.000
38	Bình cứu hỏa	Bình	169	12.000	2.028.000
39	Máy lọc nước	Cái	5	30.000	150.000
40	Hòm tôn	Cái	1	15.000	15.000
41	Cartridge (hộp mực)	Cái	10	2.000	20.000
42	Máy đếm tiền	Cái	1	15.000	15.000
43	Máy đo cầm tay	Cái	3	8.000	24.000
44	Máy khoan chứng từ	Cái	2	50.000	100.000
45	Bàn phím máy tính	Cái	1	3.000	3.000
46	Bộ chuyển đổi DC	Bộ	1	6.000	6.000
47	Máy định vị GPS	Cái	1	6.000	6.000
48	Đồng hồ vạn năng	Cái	1	2.000	2.000
49	Đèn bàn kỹ thuật	Cái	1	3.000	3.000
B	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH				
I	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC (TK 2111)				
1	Đốt cột Anten 3 mét	Cái	21	630.000	13.230.000
2	Đốt cột Anten 6 mét	Cái	76	1.260.000	95.760.000
3	Cột ống thép 6 mét	Cột	5	140.000	700.000
4	Cột An ten 42m	Cột	4	12.005.000	48.020.000
5	Đốt cột 4m	Đốt	5	840.000	4.200.000
6	Nhà container	Cái	8	500.000	4.000.000
7	Cầu cáp ngoài trời	Mét	56	21.000	1.176.000

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Giá khởi điểm (bao gồm cả VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)
8	Trụ đỡ cầu cáp	Cột	12	35.000	420.000
9	Tuyến cáp điện trạm EXP_BAO-NHAI_LCI - Remote Sector 2021 (019P210030)	Tuyến	1	2.944.000	2.944.000
II	MÁY MÓC THIẾT BỊ (TK 2112)				
II.1	MÁY PHÁT ĐIỆN				
1	Máy phát điện 5KVA ELEMASH6500EX(B H-SMC)-27P0124	Cái	1	1.350.000	1.350.000
2	Mát phát điện 10KVA CAPO M10000HM (TTVTMK)-27P0033-Trạm Pha Long	Cái	1	2.970.000	2.970.000
3	Máy phát điện 5KVA ELEMASH6500EX(Mường Khương)- 27P0124	Cái	1	1.350.000	1.350.000
4	Máy phát điện KPetkin 35KVA Bản Lầu (Sapa- chuyên)	Cái	1	10.800.000	10.800.000
5	Máy phát điện BRUNO 15KvA (Mạng VT SiMaCai) chuyên TTĐHT-270108	Cái	1	4.140.000	4.140.000
II.2	MÁY ĐO, MÁY HÀN				
1	Máy hàn cáp quang OTDR FSM-60S (TTĐH chuyên BH-SMC) (Serial máy: 22785) mã DA: 831083	Cái	1	25.000	25.000
2	Máy hàn cáp quang OTDR FSM-60S (Serial máy: 22789) (MKG chuyên BTG) mã DA: 831083	Cái	1	25.000	25.000
II.3	ĐIỀU HÒA				
1	2 bộ Điều hòa Casper 12000BTU- 1 chiều trạm BTS Dìn Chín 2 (019P190011)	Bộ	2	400.000	800.000
2	2 bộ Điều hòa Daikin 12000BTU- 1 chiều Trạm BTS Cao Sơn 2 Mường Khương (019P180037)	Bộ	2	400.000	800.000
3	Điều hòa Daikin 12000 BTU 2 bộ- 1 chiều trạm BTS Phú Nhuận 3 (019P190028)	Bộ	2	400.000	800.000
4	Điều hòa Daikin 12000BTU 2 bộ-trạm BTS Bản Phố H. Mường Khương (019P190009)	Bộ	2	400.000	800.000
5	Điều hòa Daikin 12000BTU-2 bộ 1 chiều trạm BTS Bản Cối_ Bảo Yên (019P190006)	Bộ	2	400.000	800.000
II.4	MÁY MÓC THIẾT BỊ KHÁC				
1	Tủ cáp 1000*2 lắp Tđài BYên (E10 2001-2002)	Cái	1	180.000	180.000
2	Hệ thống báo cháy trạm VTTTâm HOST E10	Bộ	1	50.000	50.000
3	01 bộ ODF tập trung 400 sợi (T/đài TTVT Bảo Yên)	Cái	1	150.000	150.000
4	Thiết bị THHN VCS lắp đặt tại TTCNTT (019P190024)	Bộ	1	150.000	150.000
III	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN (TK 2113)				
III.1	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI (XE Ó TÔ)				
1	Xe ô tô Ford Ranger biên kiểm soát 24C-018.72 (BKS cũ 24N-4798) (Văn Bản) mã DA: 270881	Cái	1	75.000.000	75.000.000
III.2	THIẾT BỊ TRUYỀN DẪN			-	
1	Bộ điện thoại Inmarsat GX-11 (tự bấm)	Bộ	1	30.000	30.000
2	Thiết bị truyền dẫn viba phục vụ phủ sóng uMtS 3G (TS Net cũ bàn giao) nhận từ VNPT Hòa Bình	Bộ	1	80.000	80.000
III.3	CÁP QUANG THU HỒI				
1	Cáp quang 8F0	m	11.200	80	896.000
2	Cáp quang 12F0	m	17.000	80	1.360.000
3	Cáp quang 24F0	m	22.800	80	1.824.000
III.4	PHƯƠNG TIỆN MẠNG TRUYỀN DẪN KHÁC			-	
1	Đường điện AC trạm BTS Phạm Đắc Khánh, B/Thắng-21P2100.7	Tuyến	1	360.000	360.000

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Giá khởi điểm (bao gồm cả VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)
2	Đường điện AC trạm BTS Ng.Xuân Khôi,X/Giao-21P2100.7	Tuyến	1	360.000	360.000
3	Đường điện AC trạm BTS Tr.Ngọc Cường, B/Thắng-21P2100.7	Tuyến	1	360.000	360.000
4	Đường điện AC trạm BTS bĐvH Thái Niên,B/Thắng-21P2100.7	Tuyến	1	360.000	360.000
5	Đường điện AC trạm BTS Phìn Ngan, B/Xát	Tuyến	1	3.720.000	3.720.000
6	CSHTVNP: Đường điện AC trạm BTS Xuân Quang, BT	Tuyến	1	360.000	360.000
7	Đường dây hạ thế 0,4kW BD Bát Xát	Tuyến	1	1.800.000	1.800.000
IV	DỤNG CỤ QUẢN LÝ (TK 2114)				
1	TB Router mạng Cisco 3845 (1 bộ TTDVKH)	Cái	1	75.000	75.000
2	TB Switch mạng WS- C3560G (1 bộ ttdvKh)	Cái	1	25.000	25.000
3	Thiết bị truyền hình hội nghị (vCS)	Cái	1	20.000	20.000
4	UPS 10KVA Santak máy chủ, TB mạng (TTTH đang quản lý)- 27P0915	Cái	1	112.000	112.000
5	Thiết bị truyền hình hội nghị (vCS)	Cái	1	20.000	20.000
6	Máy chiếu Sony VPL-CW125+màn chiếu(TTDVKH)- 27P0908	Cái	1	20.000	20.000
7	H/thống hội nghị truyền hìnhHDX7002 xlp (TTDVKH)	Cái	1	30.000	30.000
8	Thiết bị truyền hình hội nghị HD PCS- XG80(TTDVKH)	Cái	1	30.000	30.000
9	Máy tính ServerIBM 3650M3-7945D2A kế toán(TTDVKH)- 27P1105	Cái	1	60.000	60.000
10	Camera 7002XLP phòng họp Sở TT&TT (TtCnTT)-27P1114	Cái	1	6.000	6.000
11	Thiết bị đầu cuối Avaya/Radvision XT 1200 (Thiết bị truyền hình hội nghị)	Cái	1	20.000	20.000
12	Máy photocopy Gestetner MP 3353 bộ phân hành chính (27P201648)	Cái	1	200.000	200.000
	TỔNG CỘNG				311.659.000

Bảng chữ: Ba trăm mười một triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng.